

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC BAN HÀNH Chương trình thực hành tiết kiệm,
chống lãng phí của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 08/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2575/STC-TTra ngày 28 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, các đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (KV).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười
Hồ Văn Mười

**CHƯƠNG TRÌNH
THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 31-tháng 12 năm 2021
của ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA THỰC
HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

1. Mục tiêu

Mục tiêu của thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là "THTK, CLP") giai đoạn 2021-2025 là triệt để THTK, CLP trong các lĩnh vực, góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phòng, chống, ngăn chặn đại dịch Covid-19, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Nông khóa III về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Nông.

Làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách, vốn, tài sản Nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và các tổ chức, cá nhân khác, các Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được UBND tỉnh thành lập, xây dựng Chương trình hành động về THTK, CLP thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành và từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Yêu cầu

a) THTK, CLP phải bám sát chủ trương, định hướng tại các Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, HĐND tỉnh khóa III, đặc biệt phải gắn với việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Nông khóa III về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Nông.

b) THTK, CLP phải đảm bảo thúc đẩy việc huy động, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội.

c) THTK, CLP phải được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, mang tính thường xuyên của các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và nhân dân, gắn với đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ

đạo điều hành và tổ chức thực hiện; đảm bảo phân công, phân cấp cụ thể, rõ đầu mối thực hiện.

d) Các chỉ tiêu THPTK, CLP trong các lĩnh vực phải được lượng hóa tối đa, bảo đảm thực chất, có cơ sở cho việc đánh giá, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện theo quy định.

đ) THPTK, CLP phải gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát, thúc đẩy cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

3. Nhiệm vụ trọng tâm

Việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2021-2025 là một giải pháp quan trọng nhằm tạo nguồn lực góp phần khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, tạo đà khôi phục và phát triển kinh tế của các cấp, các ngành, các địa phương theo định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông về kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, công tác THPTK, CLP giai đoạn 2021-2025 cần tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

a) Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong các lĩnh vực để khôi phục và phát triển kinh tế, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra để góp phần đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) 5 năm bình quân 7,5% - 8%, trong đó: Khu vực I đạt 4,5%; Khu vực II đạt 13,36%; Khu vực III đạt 7,55%; Khu vực Thuế trừ trợ cấp sản phẩm đạt 9,74%. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 70 triệu đồng/người/năm; Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: tăng bình quân 15%/năm, tỷ trọng chiếm từ 35-40% so với GRDP.

b) Về thu ngân sách Nhà nước: Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, nhất là thu nội địa theo hướng tích cực, thực hiện có hiệu quả chính sách bồi dưỡng, khai thác nguồn thu ổn định, bền vững; tăng cường khai thác nguồn thu mới, để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, trong đó ưu tiên tăng đầu tư xã hội và tạo đà cho bước phát triển các năm tiếp theo; phấn đấu tăng thu ngân sách bình quân hàng năm là 12%/năm, cả giai đoạn đạt trên 18.400 tỷ đồng.

c) Về chi ngân sách Nhà nước: Giữ cơ cấu chi ngân sách hợp lý, từng bước tăng tỷ trọng đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo đủ nguồn lực chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Thực hiện đồng thời, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Bố trí đủ kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương, lương hưu và trợ cấp ưu đãi đối với Người có công theo Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ. Thực hiện nghiêm các quy định về THPTK, CLP,

đồng thời cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công. Chi ngân sách giai đoạn 2021-2025 là 40.829 tỷ đồng, dự kiến năm 2025 là 9.004 tỷ đồng.

d) Về nợ chính quyền địa phương: Giảm tỷ lệ nợ chính quyền địa phương để đảm bảo mục tiêu cụ thể đề ra. Cơ cấu lại các khoản nợ chính quyền địa phương phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế và khả năng trả nợ vay của địa phương. Dự kiến chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương đã vay và trả nợ trong giai đoạn 2021-2025 là 7 tỷ đồng.

đ) Tăng cường quản lý, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, đồng thời tạo ra năng lực sản xuất mới, thu hút đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm theo tinh thần Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025.

e) Đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, phát huy nguồn lực nhằm tái tạo tài sản và phát triển kinh tế - xã hội.

f) Chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trong xử lý ô nhiễm môi trường, thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường quản lý việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản đảm bảo nguyên tắc hoạt động khoáng sản theo quy định tại Luật Khoáng sản, phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư. Phấn đấu đến năm 2025 đạt tỷ lệ được sử dụng nước hợp vệ sinh: 100% đối với người dân thành thị, tỷ lệ thu gom rác thải đối với khu vực đô thị 100%, tỷ lệ che phủ rừng là 40%, trồng mới rừng tập trung hàng năm là 1.000 ha, tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường là 85%, tỷ lệ chất thải rắn y tế, độc hại là 90%.

g) Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đẩy nhanh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. Đẩy mạnh cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn; nâng cao hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

h) Tiếp tục thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội. Kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu môi, tránh chồng chéo. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH dự kiến đến 2025 là 14,8%. Triển khai quyết liệt công tác sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giữ vai trò chủ đạo trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao.

i) Tích cực đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số của tỉnh, gắn các mục tiêu thực hiện chuyển đổi số quốc gia với các mục tiêu THPTK, CLP giai đoạn 2021-2025.

k) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cán bộ, công chức, viên chức trong chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về THPTK, CLP. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền cũng như thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP gắn với cơ chế khen thưởng, kỷ luật kịp thời nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và tổ chức thực hiện ở các cơ quan, đơn vị.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CÁC LĨNH VỰC

THPTK, CLP giai đoạn 2021-2025 được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực theo quy định của Luật THPTK, CLP, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể sau:

1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước

a) Thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - ngân sách nhà nước; bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trong đó chú trọng các nội dung sau:

- Triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên của ngân sách nhà nước (*không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương*) để ưu tiên tăng chi đầu tư phát triển, hướng tới mục tiêu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách nhà nước, đảm bảo tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 62 - 63% tổng chi ngân sách nhà nước, trong tổ chức thực hiện phấn đấu giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống khoảng 60%. rà soát các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế tối đa bổ sung ngân sách nhà nước ngoài dự toán, tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi công tác nước ngoài..., dành nguồn phòng chống, khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, thực hiện các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII.

- Thực hiện chính sách, chế độ an sinh xã hội trong các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo tập trung, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tránh trùng lặp, dàn trải. Trong đó bảo hiểm xã hội là trụ cột chính, huy động các nguồn lực để hỗ trợ các đối tượng yếu thế, giảm nghèo đa chiều; làm tốt hơn công tác đền ơn đáp nghĩa. Quản lý mạng lưới an sinh xã hội thống nhất trên nền tảng số, kết nối liên thông, tích hợp các hệ thống dữ liệu về bảo hiểm xã hội, dân cư..., tránh trục lợi chính sách.

- Cắt giảm các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền quyết định nhưng kém hiệu quả. Không đề xuất mới chương trình, dự án, đề án có nội dung trùng lặp, thiếu tính khả thi, không thực sự cần thiết và chưa bố trí được nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện.

- Đòi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý ngân sách nhà nước về khoa học trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả cao; xây dựng rõ trọng tâm, trọng điểm nghiên cứu; tập trung giải quyết dứt điểm từng việc, không dàn trải, dây dưa kéo dài làm lãng phí nguồn lực; hướng tới phục vụ sản xuất, kinh doanh, lấy doanh nghiệp làm trọng tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; khơi thông nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phòng, chống dịch Covid-19, truyền cảm hứng, tôn trọng, tôn vinh trí thức, các nhà khoa học. Có cơ chế phân chia lợi ích hợp lý đối với kết quả nghiên cứu khoa học sử dụng ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình thương mại hóa ứng dụng kết quả nghiên cứu. Thực hiện công khai về nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.

- Sử dụng hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo theo phương châm lấy học sinh làm trọng tâm, nhà trường làm nền tảng, giáo viên là động lực, đổi mới tư duy từ trang bị kiến thức sang trang bị năng lực, phẩm chất toàn diện cho học sinh, lấy hiệu quả và sự hài lòng của người dân làm thước đo. Tập trung vào nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo các cấp, nhất là bậc trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên để thực hiện hiệu quả giáo dục nghề nghiệp với việc làm và theo nhu cầu xã hội, sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng hình thành cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đạt chuẩn khu vực và quốc tế, phù hợp nhu cầu phát triển của địa phương.

- Sử dụng hiệu quả kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho sự nghiệp y tế. Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động tổng thể các nguồn lực cho đầu tư phát triển hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế tuyến cơ sở. Từng bước chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế. Xây dựng cơ chế giá dịch vụ, thanh toán bảo hiểm y tế theo hướng ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản, người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Hoàn thiện cơ chế, tháo gỡ khó khăn cho các hình thức hợp tác công tư, liên doanh, liên kết cung ứng dịch vụ y tế.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm cho phù hợp, thực hiện quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo theo dự toán được giao và đúng chế độ, chính sách của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí. Không bổ sung ngoài dự toán khi chưa có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

b) Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, khuyến khích các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, gắn với việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện tinh giản biên chế,

sắp xếp lại cơ cấu bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Tiếp tục triển khai tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, đẩy mạnh việc triển khai cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở tính đúng tính đủ giá dịch vụ công theo lộ trình, đảm bảo công khai, minh bạch, phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025. Đổi mới phương thức quản lý kinh tế nhà nước theo hướng chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội, chuyển đổi cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang phương thức đặt hàng.

2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

a) Thực hiện có hiệu quả các quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn Luật để vốn đầu tư công thực sự đóng vai trò dẫn dắt, thu hút tối đa các nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác theo phương châm “*đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*”, nguồn lực bên trong là cơ bản, lâu dài, quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng để phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư.

b) Thực hiện tiết kiệm từ chủ trương đầu tư, chỉ quyết định chủ trương đầu tư các dự án có hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công; đảm bảo 100% các dự án đầu tư công có đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

c) Việc bố trí vốn đầu tư công phải phù hợp với định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Đồng thời, phải thực hiện đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/QH14; Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, các tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch vốn đầu tư công trung

hạn (nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021.

Đối với các nguồn vốn vay để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phải được kiểm soát một cách chặt chẽ về mục tiêu, hiệu quả đầu tư, kế hoạch trả nợ và những tác động của vay vốn đến ổn định kinh tế vĩ mô.

d) Kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả; thực hiện cắt bỏ những dự án chưa thực sự cần thiết, cấp bách; kiểm soát số lượng các dự án khởi công mới, bảo đảm từng dự án khởi công mới phải có giải trình cụ thể về sự cần thiết, hiệu quả đầu tư và sự tuân thủ các quy định pháp luật. Chỉ giao kế hoạch vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, HĐND tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn Ngân sách địa phương.

đ) Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán dự án hoàn thành.

e) Rà soát các dự án kéo dài nhiều năm, hiệu quả đầu tư thấp để có hướng xử lý; có biện pháp hoàn tạm ứng đối với các khoản tạm ứng quá hạn, có phương án xử lý dứt điểm các khoản tạm ứng của các dự án kéo dài nhiều năm, đơn vị quản lý đã giải thể. Thực hiện đúng quy định về hoàn trả tạm ứng đối với các dự án mới thực hiện.

f) Thực hiện cắt giảm 100% việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng cơ bản, trừ các công trình có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

3. Trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia

a) Việc bố trí kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG nông thôn mới; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: 2021-2025).

b) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện và thành phố quản lý, sử dụng kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng mục tiêu, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức, nội dung hỗ trợ đầu tư và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương của chương trình, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

4. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

a) Tiếp tục triển khai đồng bộ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công và khai thác hợp lý nguồn lực từ tài sản công theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặc biệt là đối với các cơ sở nhà, đất bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, hướng đến mục tiêu năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công; xử lý nghiêm các sai phạm.

c) Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng và khai thác đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, làm cơ sở để tổ chức khai thác có hiệu quả nguồn lực tài chính từ các loại tài sản này. Việc thực hiện quản lý, bảo trì, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng bảo đảm công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá.

d) Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; triển khai đồng bộ, có hiệu quả phương thức mua sắm tập trung, mua sắm qua mạng đấu thầu quốc gia. Hạn chế mua xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền.

đ) Quản lý chặt chẽ, hiệu quả việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Chỉ sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết trong các trường hợp được pháp luật quy định, có Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải đảm bảo theo các yêu cầu quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản hướng dẫn nhằm phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản; kiên quyết chấm dứt, thu hồi tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

e) Tăng cường quản lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, đẩy mạnh việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu để tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Thực hiện xử lý kịp thời tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc theo đúng quy định của pháp luật, tránh làm thất thoát, lãng phí tài sản.

5. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, phát huy nguồn lực kinh tế, tài chính từ đất đai cho phát triển kinh tế, giảm khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về đất đai theo hướng phối hợp chặt chẽ từ cơ sở, tập trung vào những vấn đề đang bức xúc như: các dự án chậm đưa vào sử dụng để lãng phí đất đai, quản lý đất đai trong cổ phần hóa doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm việc xử lý, thu hồi các diện tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và lấn chiếm đất trái quy định.

b) Thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ; quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước, ngăn chặn các hành vi gây suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước.

c) Thực hiện nghiêm các chủ trương, định hướng trong điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản theo Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; cân đối giữa khai thác và dự trữ khoáng sản, phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản.

d) Tiếp tục đẩy mạnh bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học để đạt tỷ lệ che phủ rừng ổn định 40% và trồng mới rừng tập trung hàng năm là 1.000ha.

Triển khai thực hiện Đề án "*trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025*" được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt tại Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/7/2021 theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021, nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ) Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng tiết kiệm năng lượng; đẩy mạnh nghiên cứu và xây dựng các dự án sử dụng công nghệ tái chế nước thải và chất thải; các dự án sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

e) Xử lý triệt để các cơ sở sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; kiểm soát chặt chẽ cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và các nguồn xả thải; tập trung xử lý rác thải đô thị, nông thôn, nhân rộng mô hình xử lý rác thải hiệu quả, bền vững; Phấn đấu đến năm 2025 đạt tỷ lệ được sử dụng nước hợp vệ sinh: 100% đối với người dân thành thị, tỷ lệ nông thôn là 95%, tỷ lệ thu gom rác thải đối với khu vực đô thị 100%,

tỷ lệ che phủ rừng trên 40%, trồng mới rừng tập trung hàng năm là 1.000 ha, tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường là 85%, tỷ lệ chất thải rắn y tế, độc hại là 90%.

f) Giảm cường độ năng lượng trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế; tiết kiệm năng lượng trở thành hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các ngành kinh tế trọng điểm tiêu thụ nhiều năng lượng theo dự báo mục tiêu của Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 09/02/2021.

6. Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

a) Đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp và tăng cường quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định tại Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ để giảm dần số lượng, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nguồn lực tài chính quốc gia.

b) Tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

7. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

a) Ban đổi mới doanh nghiệp tỉnh đẩy mạnh quá trình sắp xếp cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước theo đề án đã được phê duyệt.

b) Thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của hàng hóa, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp nhà nước phải đăng ký và thực hiện tiết giảm chi phí quản lý từ 5% trở lên, trong đó, tiết giảm tối đa chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi chiết khấu thanh toán, chi phí năng lượng.

c) Tập trung hoàn thành mục tiêu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước theo đúng lộ trình và quy định của pháp luật, bảo đảm các nguyên tắc và cơ chế thị trường; minh bạch, công khai thông tin. Đổi mới cách thức thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, trong đó, tập trung các giải pháp đẩy nhanh tiến độ gắn với giám sát chặt chẽ việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tài sản cố định, thương hiệu và giá trị truyền thống của doanh nghiệp cổ phần hóa.

d) Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, chấm dứt tình trạng đầu tư dàn trải, bảo đảm đầu tư có hiệu quả. Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường.

đ) Đổi mới mô hình và nâng cao hiệu quả giám sát tài chính doanh nghiệp; chủ động đổi mới, áp dụng công nghệ mới, cải tiến quy trình sản xuất,

quản lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

8. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

a) Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cải cách quản lý biên chế theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh gương mẫu thực hiện và chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở: Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án văn hóa công vụ; Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn toàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm túc giờ làm việc hành chính theo quy định tại Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiếp tục nâng cao ý thức trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc.

b) Xây dựng và ban hành chế độ tiền lương mới theo tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương. Thực hiện trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo.

c) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ để nâng cao năng suất lao động theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 04/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp tăng năng suất lao động quốc gia.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân. Xây dựng Chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số. Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về THTK, CLP

a) Thống nhất công tác chỉ đạo thực hiện THTK, CLP từ UBND tỉnh đến các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn.

b) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai THTK, CLP tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;

c) Căn cứ chương trình tổng thể THTK, CLP giai đoạn 2021-2025 của UBND tỉnh, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo, quán triệt việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP của giai đoạn 2021 - 2025 theo định hướng, chủ trương của Đảng về THTK, CLP, Chương trình THTK, CLP của Chính phủ và của UBND tỉnh, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt cả nhiệm kỳ công tác. Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cho từng năm, từng lĩnh vực được giao phụ trách, trong đó cần phân công, phân cấp cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, từng cán bộ, công chức, viên chức, gắn với công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đảm bảo việc thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THTK, CLP

a) Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí, Đài phát thanh, truyền hình tăng cường phổ biến, tuyên truyền các chính sách pháp luật của Nhà nước về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Các cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp, đưa nội dung tuyên truyền các quy định về THTK, CLP tại các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người làm việc nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP. Qua đó, nâng cao vai trò trách nhiệm, thống nhất nhận thức và hành động của từng cấp, từng ngành và mỗi cán bộ, công chức và viên chức. Đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong THTK, CLP.

c) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp nhà nước tích cực phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thông tấn, báo chí để thực hiện tuyên truyền, vận động về THTK, CLP đạt hiệu quả.

d) Các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tích cực tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức THPTK, CLP tại địa phương nơi sinh sống.

đ) Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THPTK, CLP theo quy định pháp luật về thi đua khen thưởng; bảo vệ người cung cấp thông tin về hành vi lãng phí, chưa tiết kiệm. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong THPTK, CLP. Nêu cao tinh thần trách nhiệm và vai trò của các cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác tuyên truyền về THPTK, CLP.

3. Tăng cường công tác tổ chức THPTK, CLP trên các lĩnh vực, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực sau:

a) Về quản lý ngân sách nhà nước

Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước; chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; chỉ đạo người đại diện phần vốn Nhà nước đôn đốc doanh nghiệp nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước số thu cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn Nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; thúc đẩy THPTK, CLP, cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, khuyến khích phân cấp, phân quyền, giao quyền tự chủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, gắn với tăng cường trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, cụ thể hóa trách nhiệm cá nhân trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính công.

Đẩy mạnh cơ cấu lại các khoản chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng nguồn vốn chi đầu tư phát triển. Tổng chi ngân sách nhà nước cả giai đoạn 2021-2025 khoảng 41.305 tỷ đồng.

b) Về quản lý nợ công

Phấn đấu thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông, Nghị quyết và Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 của HĐND tỉnh xác định:

- Cơ cấu lại các khoản nợ chính quyền địa phương ở mức hợp lý; kế hoạch vay và trả nợ giai đoạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp với dự báo tình hình kinh tế xã hội, khả năng cân đối các nguồn vốn ngân sách nhà nước trả nợ gốc và lãi vay, danh mục chương trình dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng trả nợ vay của địa phương. Hạn mức dư nợ tối đa của

ngân sách địa phương đến cuối năm 2020 là 459 tỷ đồng, tỷ lệ dư nợ cuối kỳ so với GRDP năm 2020 là 0,2%. Dự kiến chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay là 7 tỷ đồng.

- Gắn kết chặt chẽ quản lý ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương và nợ công với quản lý ngân quỹ nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực tài chính của Nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ các khoản bảo lãnh mới đảm bảo đúng quy định và hiệu quả, phát triển thị trường vốn trong nước để tăng khả năng huy động vốn, tăng cường thanh tra, kiểm tra, công khai minh bạch về nợ công.

- Giảm tỷ lệ nợ chính quyền địa phương để đảm bảo mục tiêu cụ thể đề ra. Cơ cấu lại các khoản nợ chính quyền địa phương phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế và khả năng trả nợ của địa phương.

c) Về quản lý vốn đầu tư công

Thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quyết toán các dự án đầu tư cấp huyện, xã nhằm nâng cao tiến độ và chất lượng công tác thanh quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước, hạn chế thất thoát ngân sách nhà nước.

Tiếp tục đề xuất cơ chế, chính sách, quy định để kiểm soát chặt chẽ, đầu tư trọng tâm, trọng điểm, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án đầu tư công, bảo đảm phù hợp với thực tế, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống đơn giá xây dựng, suất đầu tư xây dựng công trình phục vụ các ngành kinh tế. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý đấu thầu, đẩy mạnh thực hiện đấu thầu qua mạng để giảm bớt chi phí hành chính. Đổi mới, nâng cao vai trò công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong hoạt động quản lý đầu tư theo hướng giảm các hoạt động tiền kiểm và tăng cường hậu kiểm. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các giải pháp thiết kế, thi công áp dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và hạn chế khí thải, góp phần phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Xây dựng phương pháp, tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công; gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công; tăng cường phân cấp, phân quyền nhưng phải đảm bảo tính tự chịu trách nhiệm “cá thể hóa” vai trò cá nhân của người đứng đầu trong quản lý, điều hành; có chế tài xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân người đứng đầu trong việc để kéo dài, chậm tiến độ đưa vào sử dụng các dự án đầu tư công gây thất thoát, lãng phí.

ĐẮK
NÔNG

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hoá trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin về đầu tư công để cập nhật, lưu trữ các thông tin, dữ liệu liên quan đến việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (trong đó có nội dung giải ngân vốn đầu tư công); lập, thẩm định, phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Thực hiện kết nối, đồng bộ hóa dữ liệu trên Hệ thống thông tin về đầu tư công với Hệ thống TABMIS để toàn bộ quá trình lập, giao, điều chỉnh kế hoạch, theo dõi, báo cáo kế hoạch đầu tư công đều được thực hiện trên Hệ thống thông tin về đầu tư công, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư, phù hợp với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử và tiến tới Chính phủ số.

d) Về quản lý, sử dụng tài sản công

- Tiếp tục triển khai đồng bộ Luật quản lý, sử dụng tài sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công và khai thác hợp lý nguồn lực từ tài sản công theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặt biệt là đối với các cơ sở nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2016 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Sắp xếp phương tiện xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đảm bảo mọi tài sản công được quản lý, theo dõi, hạch toán kế toán theo quy định của Luật kế toán năm 2015, Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán HCSN, Thông tư số 76/2019/TT-BTC ngày 05/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đối với các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công, kiên quyết xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; THPT, CLP; dự trữ quốc gia; Kho bạc Nhà nước.

đ) Về thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công. Chuyển mạnh cơ chế cấp phát

theo dự toán sang cơ chế thanh toán theo đặt hàng, nhiệm vụ gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ, giá cung cấp dịch vụ và nhu cầu sử dụng; có lộ trình cụ thể thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ, giảm dần phương thức giao nhiệm vụ nhằm tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

e) Về quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- Đẩy mạnh rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể đối với các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu.

- Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giám sát hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; xây dựng, kiện toàn bộ máy quản lý và nâng cao năng lực cán bộ nhằm quản lý, sử dụng nguồn lực của các quỹ có hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, công khai trong xây dựng; thực hiện kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.

f) Về quản lý tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là đối với đất đai

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ngăn chặn tình trạng sử dụng đất lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các vi phạm, tranh chấp, lấn chiếm đất. Thúc đẩy phát triển thị trường quyền sử dụng đất; xây dựng cơ chế đẩy mạnh việc khai thác nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Quản lý các dự án khai thác tài nguyên nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái.

g) Về quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp

- Tiếp tục rà soát đề xuất bãi bỏ, sửa đổi những quy định chưa phù hợp giữa các thành phần kinh tế. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác đánh giá, xếp loại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước theo quy định pháp luật. Thực hiện minh bạch báo cáo tài chính, thông tin tài chính, kinh doanh, điều hành của doanh nghiệp nhà nước, tăng cường trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban điều hành và giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.

h) Về quản lý lao động, thời gian lao động

- Tiếp tục thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và tinh giản biên chế theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII. rà soát các văn bản hiện hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp, khắc phục những hạn chế, vướng mắc và bảo đảm tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ, vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ làm căn cứ cho việc quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động hiệu quả và làm cơ sở để thực hiện cải cách tiền lương.

- Đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức và thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ và tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

4. Đẩy mạnh thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát THTK, CLP

a) Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Doanh nghiệp nhà nước chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về công khai minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THTK, CLP.

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện trách nhiệm công khai theo đúng quy định của Luật THTK, CLP và các luật chuyên ngành; trong đó, chú trọng thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao, công khai thông tin về nợ công và các nội dung đầu tư công theo quy định pháp luật.

c) Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức, đoàn thể trong mỗi cơ quan, đơn vị để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về THTK, CLP. Đẩy mạnh thực hiện kiểm tra, giám sát, phản biện các chính sách, chương trình, dự án, đề án nhằm nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP.

d) Thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí theo quy định.

5. Kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật THPTK, CLP và pháp luật chuyên ngành. Các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể liên quan đến THPTK, CLP, trong đó:

a) Xây dựng kế hoạch và tập trung tổ chức kiểm tra, thanh tra một số nội dung, lĩnh vực trọng điểm, cụ thể cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Quản lý, sử dụng đất đai;
- Tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư công;
- Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc;
- Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại; trang thiết bị làm việc; trang thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ hoạt động của các cơ sở y tế do ngân sách nhà nước cấp kinh phí;
- Thực hiện chính sách, pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;
- Sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;
- Quản lý, sử dụng và khai thác tài nguyên, khoáng sản.

b) Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại các đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

c) Đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân để xảy ra lãng phí. Quyết liệt trong xử lý kết quả thanh tra, kiểm tra để thu hồi tối đa cho Nhà nước tiền, tài sản bị vi phạm, chiếm đoạt, sử dụng sai quy định, lãng phí phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra. Đồng thời có cơ chế khen thưởng, biểu dương kịp thời các cá nhân, tổ chức có đóng góp cho công tác THPTK, CLP, tạo tính lan tỏa sâu rộng.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; gắn THPTK, CLP với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng

a) Tiếp tục cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra chuyên ngành. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan,... và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành

chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công của những đối tượng khó khăn đặc thù. Thúc đẩy việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, chuyển đổi từng bước việc điều hành dựa trên giấy tờ sang điều hành bằng dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP. Hoàn thiện các hệ thống thông tin một cửa điện tử, công dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Hoàn thành kết nối, liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và các doanh nghiệp, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước triển khai có hiệu quả pháp luật THTK, CLP gắn với công tác phòng chống tham nhũng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Chương trình tổng thể về THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025, Các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các Doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh xây dựng Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 của đơn vị mình; Trong Chương trình THTK, CLP của mỗi cơ quan, đơn vị cần cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí của cơ quan, đơn vị; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra.

2. Các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các Doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh chỉ đạo quán triệt về việc:

a) Xác định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi để xảy ra lãng phí tại cơ quan, đơn vị mình; trách nhiệm trong việc thực hiện kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lãng phí.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THTK, CLP và các quy định có liên quan trong phạm vi quản lý.

c) Thực hiện công khai trong THTK, CLP đặc biệt là công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí.

d) Hàng năm, thực hiện báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chương trình tổng thể của tỉnh Đắk Nông về THTK, CLP và Chương trình THTK, CLP cụ thể của cơ quan, đơn vị mình và thực hiện đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên theo tiêu chí quy định tại Thông tư số 129/2017/TT-



BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính. Trên cơ sở đó, xây dựng Báo cáo THPTK, CLP hàng năm để gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính theo đúng quy định.

3. Đối với các Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được UBND tỉnh quyết định thành lập, có trách nhiệm tổ chức xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 của đơn vị mình, đảm bảo phù hợp với Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh và gửi về Sở Tài chính để theo dõi chung, trong đó, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và những giải pháp, biện pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra trong giai đoạn 2021 - 2025.

4. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, UBND cấp huyện, cấp xã tích cực triển khai công tác vận động, tuyên truyền, hướng dẫn tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong việc THPTK, CLP trong tiêu dùng cá nhân. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức THPTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng. Triển khai thực hiện tốt cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", phấn đấu đến năm 2025, có 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh đã đặt ra. Xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh trong việc tổ chức lễ cưới, lễ tang và các hoạt động văn hóa khác, tránh xa hoa, lãng phí. Nêu gương người tốt, việc tốt trong THPTK, CLP tại đơn vị và địa phương.

5. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc triển khai, thực hiện các quy định của pháp luật về THPTK, CLP đối với các cơ quan, đơn vị, trong đó có kiểm tra, thanh tra việc triển khai thực hiện Chương trình tổng thể của UBND tỉnh về THPTK, CLP. Trường hợp các cơ quan, đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo nội dung yêu cầu quy định của chương trình này, giao Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý trách nhiệm theo đúng quy định.

6. Nội dung xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025

Các Sở, Ban, ngành; Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố; Các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và tình hình sử dụng ngân sách Nhà nước của cơ quan, đơn vị mình để xây dựng các chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 và hàng năm (theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính) cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, tài sản công và một số nguồn lực khác.

6.1. Đối với các Sở, Ban, ngành; Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Gia Nghĩa xây dựng nội dung chương trình theo nội dung phần I, II, III, IV, V, VI, VIII, IX phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

6.2. Đối với Các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý xây dựng nội dung chương trình theo nội dung phần VII phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

6.3. Riêng đối với các Sở, ngành có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành: Ngoài việc xây dựng nội dung chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) trong nội bộ đơn vị như hướng dẫn ở trên còn phải xây dựng số liệu chương trình trên phạm vi toàn tỉnh trong từng lĩnh vực được phân công phụ trách, các chương trình mục tiêu quốc gia được phân công chủ trì quản lý và tổng hợp vào phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

6.3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư công thuộc lĩnh vực Sở quản lý như:

- Tiết kiệm trong đấu thầu đầu tư công; trong thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán; số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm; số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch; các dự án thực hiện chậm tiến độ; các chương trình dự án xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Tình hình sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước.

- Tổng hợp số liệu về kinh phí CTMTQG, CTMT. Việc xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng CTMTQG, CTMT; các biện pháp tổ chức thực hiện để đạt mục tiêu đã đề ra.

- Báo cáo tình hình và đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế của toàn tỉnh.

6.3.2. Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh: Báo cáo nội dung công tác cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước, việc cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, việc quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước.

6.3.3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí về tài nguyên đất, nước, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản; quản lý, khai thác tài nguyên rừng, môi trường của toàn tỉnh thuộc lĩnh vực Sở quản lý như:

- Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật;

- Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi;
- Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên;
- Số lượng dự án tái chế, sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo;
- Số tiền tiết kiệm, xử phạt do vi phạm từ quản lý, sử dụng đất; từ quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác; từ các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo.

6.3.4. Sở Xây dựng

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình THPTK, CLP do đơn vị mình quản lý:

- Việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình;
- Việc sử dụng trụ sở làm việc; nhà công vụ;
- Cấp phép xây dựng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và quản lý quy hoạch.

6.3.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình THPTK, CLP do đơn vị mình quản lý:

- Việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình do đơn vị mình quản lý.
- Việc thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu (chi tiết từng dự án, chương trình mục tiêu) thuộc lĩnh vực Sở quản lý.
- Kết quả trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng.

6.3.6. Sở Giao thông vận tải: Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình THPTK, CLP: Việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình do đơn vị mình quản lý.

6.3.7. Sở Nội vụ

- Kế hoạch sắp xếp, tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và tiết kiệm thời gian lao động trong khu vực nhà nước, trong đó:
 - + Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động;
 - + Số tiền xử phạt vi phạm thu được.
- Báo cáo nội dung tổ chức đoàn đi nước ngoài của toàn tỉnh.

6.3.8. Sở Công Thương: Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí từ việc thực hiện tiết kiệm điện năng trên địa bàn toàn tỉnh (chi tiết kw/h; thành tiền).

6.3.9. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí từ việc thực hiện kinh phí sự nghiệp giáo dục của toàn tỉnh.

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và tinh giảm biên chế trong lĩnh vực giáo dục của toàn tỉnh.

6.3.10. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm trong việc tổ chức thực hiện sử dụng nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ của toàn tỉnh.

- Báo cáo nội dung về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên tái chế và năng lượng tái tạo của toàn tỉnh.

6.3.11. Sở Y tế

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm trong việc tổ chức thực hiện sử dụng nguồn kinh phí y tế của toàn tỉnh.

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và tinh giảm biên chế trong lĩnh vực y tế của toàn tỉnh.

6.3.12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động;

- Số tiền xử phạt vi phạm thu được.

6.3.13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Báo Đắk Nông

- Kế hoạch thực hiện phát sóng tin, bài và các sản phẩm truyền thông khác để tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về THTK, CLP.

6.3.14. Sở Thông tin và Truyền thông: Báo cáo nội dung về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên viễn thông của toàn tỉnh.

6.3.15. Sở Tư pháp: Ngoài việc xây dựng xây dựng Chương trình trong nội bộ cơ quan còn tổng hợp số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành; Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được sửa đổi, bổ sung do cấp tỉnh ban hành.

6.3.16. Thanh tra tỉnh

- Tổng hợp xây dựng chương trình về công tác thanh tra, kiểm tra của ngành Thanh tra:

- + Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP đã triển khai thực hiện;
- + Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP đã hoàn thành;
- + Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP;
- + Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPTK, CLP được phát hiện;
- + Tổng giá trị tiền bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra;
- + Số lượng tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, đồng thời ước tính số tiền của số lượng tài sản phát hiện được;
- + Tổng số tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý thu hồi.
- + Số vụ việc xử lý hành chính, kỷ luật (gồm tập thể, tổ chức);
- + Số vụ việc chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an điều tra.

6.3.17. Sở Tài chính

Tổng hợp xây dựng chương trình về THPTK, CLP:

- Tiết kiệm từ việc dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức;
- Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ;
- Tiết kiệm từ việc thẩm tra phê duyệt quyết toán;
- Số tiền đã xử lý, cắt giảm dự toán;
- Tiết kiệm từ việc thẩm tra quyết toán giá trị công trình XDCCB hoàn thành;
- Tình hình tiết kiệm từ việc tổ chức mua sắm tập trung;
- Tình hình phương tiện đi lại trong khu vực nhà nước;
- Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc;
- Tình hình quản lý, sử dụng nhà công vụ.
- Báo cáo các nội dung liên quan đến việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ NSNN; báo cáo tình hình việc huy động, quản lý các khoản vay, trả nợ công, bù đắp bội chi NSNN; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng kinh phí CTMTQG, CTMT; báo cáo đánh giá tình hình giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, tổ chức của toàn tỉnh.
- Báo cáo tình hình huy động, quản lý, sử dụng các khoản vay bù đắp bội chi NSNN theo niên độ NSNN từng năm; việc quản lý và sử dụng số kết dư, tồn ngân hằng năm; làm rõ chi phí lãi vay hàng năm đối với các khoản vốn huy động bù đắp bội chi NSNN hằng năm.

- Báo cáo tình hình của toàn tỉnh trong việc triển khai thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo Luật Quản lý và sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tổng hợp đánh giá tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh, công tác cổ phần hóa, thoái hóa vốn của nhà nước, cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, việc quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước.

6.3.18. UBND các huyện và thành phố Gia Nghĩa

- Tiết kiệm từ việc dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức; Tình hình phương tiện đi lại trong khu vực nhà nước; Tình hình tiết kiệm từ việc tổ chức mua sắm tập trung; Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ.

- Tiết kiệm trong đấu thầu đầu tư công; trong thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán; số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm; số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch; các dự án thực hiện chậm tiến độ; các chương trình dự án xúc tiến đầu tư trên địa bàn cấp huyện.

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình tiết kiệm, chống lãng phí về tài nguyên đất, nước, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản; quản lý, khai thác tài nguyên rừng, môi trường của toàn huyện thuộc lĩnh vực cấp huyện quản lý.

- Tổng hợp xây dựng chương trình tình hình THPT, CLP do cấp huyện quản lý như: Việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình; Tiết kiệm từ việc thẩm tra quyết toán giá trị công trình XD CB hoàn thành; Việc sử dụng trụ sở làm việc; nhà công vụ; Cấp phép xây dựng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và quản lý quy hoạch.

